

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Đức và ông Nguyễn Đăng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Ông Lương Anh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 352/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn T** - Sinh ngày: 05/11/2000, tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 8C, khu 3, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không đi học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị M; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn L** - Sinh ngày: 18/7/2000, tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 8C, Khu 3, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Hà Hồng C- sinh năm 1961. Địa chỉ: số 106-S7, chung cư Sunrise, thuộc Tổ 7, khu 2, phường H, thành phố Hạ Long. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Trí C1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 2, khu 4, phường B, thành phố Hạ Long. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Phạm Văn K - Sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 8C, khu 3, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phùng Kim S - Sinh năm 1985. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm 1960. Có mặt tại phiên tòa.
3. Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm 1993. Vắng mặt tại phiên tòa.
4. Anh Giang Văn T - Sinh năm 1989. Vắng mặt tại phiên tòa.
5. Chị Phạm Thu H - Sinh năm 1998. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là chú họ của Phạm Văn L. Do không có tiền ăn tiêu, nên T nảy sinh ý định đi thuê xe mô tô rồi đem đi cầm cố lấy tiền. Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 25/5/2020, tại quán nước ở khu vực gần nhà của L, T rủ L cùng nhau đi thuê xe mô tô của ông Hà Hồng C ở số 106-S7, chung cư Sunrise, thuộc tổ 7, khu 2, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long rồi đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu, L đồng ý. Do không có tiền đặt cọc thuê xe, nên T về nhà xin 500.000 đồng của bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ) và nói dối là để đi mua quần áo. Đến sáng ngày 27/5/2020, khi bà M đưa cho T 500.000 đồng, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14B1-652.64 đi đến nhà của L và đưa 500.000 đồng cho L cầm rồi chở L đến nhà ông C. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đến nơi L và T đặt vấn đề với ông C thuê xe mô tô để đi lại khoảng 02-03 ngày, thì được ông C đồng ý thỏa thuận cho thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14T4-051, với giá 120.000 đồng/ngày, L và T đồng ý, sau đó L để lại thẻ căn cước của L và trả trước cho ông C 500.000 đồng. Tiếp đó, T và L điều khiển xe mô tô đi đến quán game Bi-a Star ở tổ 1, khu 5, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long do anh Vũ Thành N làm chủ đặt vấn đề với anh Phùng Kim S (là nhân viên của quán) để cầm cố xe mô tô BKS 14T4-051, nhưng anh S nói tại quán không cầm cố xe và giới thiệu cho T và L đem xe mô tô BKS 14T4-051 cầm cố cho anh Vũ Trí C1, sinh năm 1996 ở tổ 2, khu 4, phường B, thành phố Hạ Long lấy 1,5 triệu đồng (thực nhận 1.350.000 đồng, còn 150.000 đồng là tiền lãi). Sau đó, T và L quay lại cửa hàng điện tử của anh Vũ Thành N, tại đây L đưa cho T 500.000 đồng còn 850.000 đồng T và L mua điểm chơi game “bắn cá” thì bị thua hết tiền, T tiếp tục bỏ ra 200.000 đồng chơi tiếp và cũng bị thua hết. Đến khoảng 18 giờ ngày 14/6/2020, L và ông Phạm Văn K (là bố đẻ) đến gặp ông C trình bày hoàn cảnh khó khăn, thì được ông C cho L vay thêm 01 triệu đồng và ông K đưa cho L 01 triệu đồng, tổng cộng là 02 triệu đồng để L đi chuộc xe mô tô về trả cho ông C. Sau đó, T và L đến gặp anh C1 để chuộc xe mô tô, nhưng do quá hạn nên C1 nói đã đưa xe mô tô cho anh Giang Văn T là bạn mượn để đi lại và đòi tiền chuộc xe là 03 triệu đồng, do không đủ tiền chuộc xe nên T và L không lấy được xe mô tô để trả lại cho ông C. Đối với ông Hà Hồng C, không thấy T và L đem xe mô tô về trả, nên đã đến Công an trình báo.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T và Phạm Văn L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Ngoài ra, T và L khai khi đến gặp anh C1 để chuộc xe mô tô thì còn có anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại: Thôn L, xã An Hồng, huyện

An Dương, thành phố Hải Phòng (là bạn của C1) ở đó, nên L và T đã đưa 1.400.000 đồng cho Đ để Đ nói với C1 cho L và T chuộc xe mô tô, nhưng vẫn không được. Khi cầm cổ xe mô tô, T và L không nói là xe do trộm cắp mà có, nên các anh Sơn, C1, Đạt không biết.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Phạm Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Bị hại ông Hà Hồng C tại phiên tòa có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về nội dung vụ án, ông đã được nhận lại tài sản và tiền bồi thường đầy đủ, nay ông không có đề nghị bồi thường gì thêm, về phần hình phạt: ông C xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Trí C1 có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo, khi anh cầm xe của các bị cáo anh không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nay anh cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho anh số tiền mà anh đã đưa cho các bị cáo khi cầm xe.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc ông cùng T và L đến nhà ông C trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, khi ông C cho L vay 1.000.000đồng, ông K cũng đưa cho L thêm 1.000.000đồng, tổng cộng là 2.000.000đồng để L đi chuộc xe. Ngoài ra ông còn trình bày số tiền ông bỏ ra bồi thường cho ông C là do L và T tác động để ông bồi thường, trong đó có 2.500.000đồng là tiền của gia đình T, số còn lại là của ông, ông đã bồi thường và trả cho ông C tổng cộng 6.000.000đồng. Nay ông không yêu cầu các bị cáo phải trả lại ông số tiền này.

Những người làm chứng anh Phùng Kim S, anh Phạm Văn Đ, anh Giang Văn T và chị Phạm Thu H có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại về nội dung vụ án. Ngoài ra anh Phạm Văn Đ còn khai: số tiền 1.400.000đồng anh nhận của bị cáo L để chuộc xe hộ, sau khi không chuộc được xe anh đã trả lại cho bị cáo L đủ số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số 317/CT-VKSHL ngày 14/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố Phạm Văn T và Phạm Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Phạm Văn L từ 03 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T và bị cáo L cho UBND phường H, thành phố Hạ Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người liên quan không đề nghị nên không đề cập.

Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý nên không đề cập lại.

Đối với số tiền 1.350.000đồng (thực tế được nhận), là tiền do các bị cáo L và T đã cầm cố xe mô tô, do phạm tội mà có, cần buộc các bị cáo phải nộp để sung ngân sách Nhà nước.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã trình bày và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ ngày 27/5/2020, tại tổ 7, khu 2, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Văn T và Phạm Văn L đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14T4-051 màu đen-đỏ, trị giá 3.720.000đ (Ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) của ông Hà Hồng C.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần tuyên cho các bị cáo một mức án

tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có trình độ văn hóa thấp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về vai trò: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng việc phạm tội nên giữ vai trò đầu vụ, bị cáo L thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức nên giữ vai trò sau T.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng C1 sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không cần thiết phải bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14T4-051 màu đen-đỏ, Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Nội dung khác:

- Các bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô thu được tổng số tiền là 1.350.000đồng, đây là tiền do phạm tội mà có cần buộc các bị cáo nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với các anh Phùng Kim S có hành vi giới thiệu Vũ Trí C1 cho T và L cầm cố xe mô tô; Vũ Trí C1 có hành vi nhận cầm cố xe mô tô của T và L; Phạm Văn Đ có hành vi nhận 1.400.000 đồng của T và L để nói với C1 cho T và L chuộc xe mô tô, nhưng tất cả đều không biết là xe mô tô do T và L phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 14B1-652.6 là của anh Phạm Văn B, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ 8C, khu 3, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (là anh trai của T) do T tự ý lấy đi, anh B không biết T sử dụng vào việc phạm tội, nên không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Phạm Văn L phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt:

1. Bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày nguyên án.

2. Bị cáo Phạm Văn L 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày nguyên án.

Giao bị cáo T và bị cáo L cho UBND phường H, thành phố Hạ Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo T và bị cáo L phải nộp lại số tiền 1.350.000đồng, chia đều mỗi bị cáo phải nộp 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Biện pháp ngăn chặn: Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 139 và 140/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn L.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông K) có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông C1) vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, NLQ;
- VKSND TP. Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Hạ Long;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Hạ Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Định